

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI**

**ĐIỀU LỆ**  
**TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG**

*(Sửa đổi theo Nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông ngày 26 /04/2018)*

Hải Phòng, ngày 26 tháng 04 năm 2018

**MỤC LỤC**

<b>CHƯƠNG I .....</b>	<b>6</b>
<b>ĐIỀU KHOẢN CHUNG .....</b>	<b>6</b>
Điều 1: Giải thích từ ngữ.....	6
Điều 2: Tên gọi, biểu tượng, trụ sở và địa bàn hoạt động của Công ty.....	7
Điều 3: Hình thức- tư cách hoạt động .....	8
Điều 4: Mục tiêu và ngành nghề hoạt động.....	8
Điều 5: Thời gian hoạt động.....	9
Điều 6: Nguyên tắc tổ chức - hoạt động.....	9
Điều 7: Tổ chức Đảng và các tổ chức chính trị - xã hội.....	9
<b>CHƯƠNG II.....</b>	<b>10</b>
<b>QUYỀN HẠN VÀ NGHĨA VỤ .....</b>	<b>10</b>
Mục 1.....	10
QUYỀN HẠN.....	10
Điều 8: Quyền tự chủ quản lý sản xuất kinh doanh .....	10
Điều 9: Quyền quản lý tài chính .....	10
Mục 2.....	11
NGHĨA VỤ.....	11
Điều 10: Nghĩa vụ quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh.....	11
Điều 11: Nghĩa vụ quản lý tài chính .....	11
<b>CHƯƠNG III .....</b>	<b>12</b>
<b>VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG.....</b>	<b>12</b>
Mục 1.....	12
VỐN.....	12
Điều 12: Vốn hoạt động. ....	12
Điều 13: Vốn điều lệ .....	12
Điều 14: Vốn vay .....	13
Điều 15: Vốn huy động .....	13
Điều 16: Vốn tiếp nhận .....	13
Điều 17: Vốn tích lũy .....	13
Mục 2.....	13
CỔ PHẦN.....	13
Điều 18: Cổ phần .....	13
Điều 19: Chứng chỉ cổ phiếu. ....	14

Điều 20: Chuyển nhượng; thu hồi cổ phần.....	15
Điều 21: Thừa kế cổ phần .....	16
Điều 22: Phát hành thêm cổ phiếu .....	16
Mục 3.....	17
<b>CỔ ĐÔNG</b> .....	17
Điều 23: Quy định chung về cổ đông.....	17
Điều 24: Quyền lợi của cổ đông .....	17
Điều 25: Trách nhiệm và nghĩa vụ của cổ đông. ....	18
<b>CHƯƠNG IV</b> .....	<b>19</b>
<b>CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT</b> .....	<b>19</b>
Mục 1.....	19
<b>ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG</b> .....	19
Điều 26: Các kỳ họp của đại hội đồng cổ đông.....	19
Điều 27: Đại hội đồng cổ đông thành lập.....	19
Điều 28: Đại hội đồng cổ đông thường niên .....	20
Điều 29: Đại hội đồng cổ đông bất thường .....	21
Điều 30: Thể thức triệu tập và tiến hành Đại hội đồng cổ đông.....	22
Điều 31: Việc uỷ quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông.....	23
Điều 32: Thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	24
Mục 2.....	26
<b>HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b> .....	26
Điều 33: Hội đồng quản trị.....	26
Điều 34: Tiêu chuẩn làm thành viên Hội đồng quản trị.....	26
Điều 35: Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	27
Điều 36: Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị .....	27
Điều 37: Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị.....	27
Điều 38: Trách nhiệm tiếp quản của Hội đồng quản trị.....	29
Điều 39: Hoạt động của Hội đồng quản trị.....	29
Điều 40: Việc mất tư cách của thành viên Hội đồng quản trị .....	30
Điều 41: Việc khuyết thành viên Hội đồng quản trị .....	30
Điều 42: Việc phân công nhiệm vụ và quyền hạn giữa các thành viên trong Hội đồng quản trị .	30
Điều 43: Quyền lợi của thành viên Hội đồng quản trị .....	31
Mục 3.....	31
<b>GIÁM ĐỐC (TỔNG GIÁM ĐỐC) ĐIỀU HÀNH, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THU KÝ CÔNG TY</b> .....	31
Điều 44: Tổ chức bộ máy quản lý và cán bộ quản lý.....	31
Điều 45: Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành và tiêu chuẩn lựa chọn.....	32

Điều 46: Nhiệm vụ của Giám đốc (Tổng giám đốc).....	32
Điều 47: Quyền hạn và trách nhiệm của Giám đốc (Tổng giám đốc) .....	33
Điều 48: Việc từ nhiệm và đương nhiên mất tư cách của Giám đốc (Tổng giám đốc) .....	34
Điều 49: Phó Giám đốc (Phó Tổng giám đốc) .....	34
Điều 50: Thư ký công ty và người phụ trách quản trị Công ty.....	34
Mục 4.....	36
<b>BAN KIỂM SOÁT.....</b>	<b>36</b>
Điều 51: Ban kiểm soát .....	36
Điều 52: Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát .....	36
Điều 53: Nhiệm kỳ Ban Kiểm soát.....	37
Điều 54: Việc từ chức, từ nhiệm và mất tư cách của Kiểm soát viên.....	37
Điều 55: Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát.....	37
<b>CHƯƠNG V.....</b>	<b>39</b>
<b>NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN CÓ QUYỀN LỢI LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG TY.....</b>	<b>39</b>
Điều 56: Công khai các lợi ích liên quan .....	39
Điều 57: Các hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận.....	39
Điều 58: Trách nhiệm cẩn trọng, trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành, các cán bộ quản lý khác .....	40
Điều 59: Giao dịch với người có liên quan và đảm bảo quyền hợp pháp của những người có quyền lợi liên quan đến Công ty .....	41
<b>CHƯƠNG VI.....</b>	<b>42</b>
<b>BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN.....</b>	<b>42</b>
Điều 60: Nghĩa vụ công bố thông tin.....	42
<b>CHƯƠNG VII.....</b>	<b>42</b>
<b>CÁC CHẾ ĐỘ VỀ LAO ĐỘNG.....</b>	<b>42</b>
<b>VÀ QUYỀN LỢI CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG.....</b>	<b>42</b>
Điều 61: Chế độ và quyền lợi của người lao động .....	42
<b>CHƯƠNG VIII.....</b>	<b>43</b>
<b>HẠCH TOÁN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN, TRÍCH LẬP QUỸ, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ KIỂM TOÁN.....</b>	<b>43</b>
Điều 62: Hạch toán .....	43
Điều 63: Lợi nhuận, phân phối lợi nhuận, trích lập quỹ, kiểm toán và báo cáo thường niên .....	43
<b>CHƯƠNG IX.....</b>	<b>44</b>
<b>CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ.....</b>	<b>44</b>
Điều 64: Chấm dứt hoạt động.....	45

Điều 65: Thanh lý .....	45
<b>CHƯƠNG X .....</b>	<b>46</b>
<b>ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG .....</b>	<b>46</b>
<b>VÀ CÁC QUY ĐỊNH KHÁC.....</b>	<b>46</b>
Điều 66: Giải quyết tranh chấp nội bộ .....	46
Điều 67: Điều khoản thi hành.....	46
Điều 68: Con dấu .....	47
Điều 69: Đăng ký điều lệ.....	47
Điều 70: Chữ ký của người đại diện theo pháp luật và của Hội đồng quản trị .....	47

**Căn cứ vào:**

- Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;
- Nghị định 109- 2007 /NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành Công ty cổ phần;
- Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/06/2006 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật chứng khoán số 62/2010/QH12 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24/11/2010.
- Các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Chúng tôi những cổ đông tham dự kỳ họp của Đại hội đồng Cổ đông thường niên lần thứ 17 ngày 25 tháng 04 năm 2017 của Công ty Cổ phần Dịch vụ vận tải và Thương mại đã nhất trí thông qua và cùng cam kết thực hiện các quy định của bản điều lệ Công ty Cổ phần Dịch vụ vận tải và Thương mại (sửa đổi lần thứ VI) gồm các điều khoản sau:

## **CHƯƠNG I ĐIỀU KHOẢN CHUNG**

**Điều 1: Giải thích từ ngữ.**

1. Trừ trường hợp các điều khoản hoặc ngữ cảnh của Điều lệ này quy định khác, những từ ngữ sau sẽ có nghĩa như được quy định dưới đây:
  - a) “*Công ty*” là Công ty Cổ phần Dịch vụ vận tải và Thương mại.
  - b) “*Vốn điều lệ*” là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán các loại và quy định tại Điều 13 Điều lệ này.
  - c) “*Điều lệ hoặc Điều lệ Công ty*” là Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Dịch vụ vận tải và Thương mại.
  - d) “*Ngày thành lập*” là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) lần đầu.
  - e) “*Luật Doanh nghiệp*” là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014.
  - f) “*Cổ đông sáng lập*” là cổ đông tham gia xây dựng, thông qua và ký tên vào bản Điều lệ đầu tiên của Công ty.
  - g) “*Cổ đông*” là cá nhân hoặc tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần đã phát hành của Công ty và được ghi tên trong Sổ đăng ký cổ đông của Công ty.
  - h) “*Người quản lý*” là thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng giám đốc), Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác được Hội đồng quản trị bổ nhiệm.
  - i) “*Người đại diện theo ủy quyền*” là cá nhân được cổ đông là cá nhân, tổ chức của Công ty ủy quyền bằng văn bản thực hiện các quyền của mình tại Công ty theo quy định của Luật Doanh nghiệp và bản Điều lệ này.

- j) “*Người đại diện phần vốn Nhà nước tại Công ty*” là người được Hội đồng quản trị Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam cử để ứng cử vào Hội đồng Quản trị hoặc tham gia vào Ban quản lý điều hành Công ty.
- k) “*Người có liên quan*” là bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định tại khoản 17, Điều 4 của Luật Doanh nghiệp.
- l) “*Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành*” là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Giám đốc (Tổng giám đốc), Phó giám đốc (Phó Tổng giám đốc), Kế toán trưởng và những các bộ quản lý khác được Hội đồng quản trị bổ nhiệm.
- m) “*Thành viên Hội đồng quản trị độc lập*” là thành viên Hội đồng quản trị đáp ứng các điều kiện sau:
- Là thành viên Hội đồng quản trị không điều hành và không phải là người có liên quan với Giám đốc (Tổng giám đốc), Phó giám đốc (phó Tổng giám đốc), Kế toán trưởng và những cán bộ quản lý khác được Hội đồng quản trị bổ nhiệm;
  - Không phải là thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc) của các công ty con, công ty liên kết, công ty do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát;
  - Không phải là cổ đông lớn hoặc người đại diện của cổ đông lớn hoặc người có liên quan của cổ đông lớn của Công ty;
  - Không làm việc tại các tổ chức cung cấp dịch vụ tư vấn pháp luật, kiểm toán cho Công ty trong hai (02) năm gần nhất;
  - Không phải là đối tác hoặc người liên quan của đối tác có giá trị giao dịch hàng năm với Công ty chiếm từ ba mươi phần trăm (30%) trở lên tổng doanh thu hoặc tổng giá trị hàng hoá, dịch vụ mua vào của công ty trong hai (02) năm gần nhất.
2. Trong điều lệ này, bất kỳ một điều khoản hoặc văn bản nào được tham chiếu tới cũng sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế chúng.
3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được đưa vào chỉ để tiện cho theo dõi và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.
4. Các từ hoặc ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

**Điều 2: Tên gọi, biểu tượng, trụ sở và địa bàn hoạt động của Công ty.**

1. Tên gọi, biểu tượng:
- a) Tên hợp pháp của Công ty bằng tiếng Việt:  
**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI**
- b) Tên hợp pháp của Công ty bằng tiếng Anh:  
**TRANSPORTATION AND TRADING SERVICES JOINT STOCK COMPANY**
- c) Tên viết tắt của Công ty: **TRANSCO.**
- d) Biểu tượng Công ty:



2. Trụ sở và địa bàn hoạt động của Công ty:
  - a) Công ty Cổ phần Dịch vụ vận tải và Thương mại có trụ sở chính đặt tại:  
Địa chỉ: Toà nhà Thành Đạt 1, số 03 đường Lê Thánh Tông, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền - Hải Phòng.
    - Tel : (84-225) 3821037 - 821260
    - Fax : (84-225) 3822155
    - Email : transco@transco.com.vn
    - Website : www.transco.com.vn
  - b) Chi nhánh và văn phòng đại diện có thể được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật và Điều lệ này để thực hiện hoạt động kinh doanh của Công ty phù hợp với nghị quyết của Hội đồng quản trị.

### **Điều 3: Hình thức- tư cách hoạt động**

1. Công ty Cổ phần Dịch vụ vận tải và Thương mại được thành lập từ việc cổ phần hoá 100% Xí nghiệp Dịch vụ vận tải Hàng hoá và Hành khách thuộc Công ty Vận tải Biển III, trên cơ sở tự nguyện cùng góp vốn của các cổ đông, được tổ chức và hoạt động theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản khác liên quan.  
  
Cơ quan đại diện chủ sở hữu phần vốn nhà nước tại Công ty là Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam – Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên sẽ tham gia chỉ đạo về chiến lược phát triển và định hướng kinh doanh cho Công ty, phối hợp tổ chức sản xuất kinh doanh, tìm kiếm và phát triển thị trường, có quyền tham gia quyết định các vấn đề liên quan đến hợp tác và liên doanh với nước ngoài.
2. Công ty Cổ phần Dịch vụ vận tải và Thương mại :
  - a) Thuộc sở hữu của các cổ đông;
  - b) Có tư cách pháp nhân theo quy định của pháp luật Việt Nam, có con dấu riêng, được mở tài khoản tại ngân hàng;
  - c) Có điều lệ tổ chức và hoạt động;
  - d) Có vốn điều lệ và chịu trách nhiệm tài chính hữu hạn với các khoản nợ bằng số vốn đó;
  - e) Hạch toán kinh tế độc lập; tự chủ về tài chính; tự chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

### **Điều 4: Mục tiêu và ngành nghề hoạt động**

1. Mục tiêu:  
  
Công ty được thành lập để huy động và sử dụng vốn có hiệu quả trong việc phát triển sản xuất kinh doanh vận tải, các dịch vụ hàng hải và các lĩnh vực khác nhằm mục tiêu thu lợi nhuận tối đa; tạo công ăn việc làm ổn định cho người lao động; tăng lợi tức cho các cổ đông; đóng góp cho ngân sách nhà nước và phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.
2. Ngành nghề hoạt động:
  - a) Vận tải đường thủy;
  - b) Kho bãi và các hoạt động hỗ trợ cho vận tải;
  - c) Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải;



- d) Kinh doanh bán buôn, đại lý, môi giới;
- e) Kinh doanh bất động sản;
- f) Hoạt động dịch vụ lao động và việc làm.

### **Điều 5: Thời gian hoạt động.**

Trừ trường hợp chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo quy định tại Điều 60 hoặc gia hạn, thời hạn hoạt động của Công ty là 30 (ba mươi) năm kể từ ngày thành lập.

### **Điều 6: Nguyên tắc tổ chức - hoạt động**

1. Công ty hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, dân chủ và tôn trọng pháp luật.
2. Các cổ đông của Công ty cùng góp vốn, cùng nhau chia lợi nhuận, cùng chịu lỗ tương ứng với phần vốn góp và chỉ chịu trách nhiệm về khoản nợ của công ty trong phạm vi phần vốn của mình góp vào Công ty.
3. Cơ quan quyết định cao nhất của Công ty là Đại hội đồng cổ đông.
4. Đại hội đồng cổ đông bầu Hội đồng quản trị để thay mặt Đại hội đồng cổ đông quản trị Công ty giữa 2 kỳ Đại hội, bầu kiểm soát viên để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị, điều hành của Công ty.
5. Giám đốc (Tổng giám đốc) của Công ty do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm hoặc cách chức. Giám đốc (Tổng giám đốc) chịu trách nhiệm điều hành hoạt động của Công ty trong phạm vi Điều lệ cho phép và tuân theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị.

### **Điều 7: Tổ chức Đảng và các tổ chức chính trị - xã hội**

1. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong Công ty hoạt động theo hiến pháp và pháp luật của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và các quy định của Đảng Cộng sản Việt Nam.
2. Tổ chức Công đoàn, các tổ chức chính trị - xã hội khác trong Công ty hoạt động theo hiến pháp và pháp luật.
3. Công ty Cổ phần Dịch vụ vận tải và Thương mại tôn trọng và tạo điều kiện cho các tổ chức trên hoạt động tốt.

## **CHƯƠNG II**

### **QUYỀN HẠN VÀ NGHĨA VỤ**

#### **Mục 1**

#### **QUYỀN HẠN**

#### **Điều 8: Quyền tự chủ quản lý sản xuất kinh doanh**

Công ty được thực hiện bao gồm nhưng không giới hạn các quyền sau:

1. Quản lý, sử dụng vốn do các cổ đông đóng góp, tài sản, đất đai và tài nguyên được giao sử dụng và các nguồn lực khác để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ kinh doanh của Công ty;
2. Tổ chức bộ máy quản lý, tổ chức các đơn vị sản xuất kinh doanh phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ của Công ty. Phân chia và điều chỉnh nguồn lực giữa các đơn vị trực thuộc đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh;
3. Đổi mới công nghệ, trang thiết bị phù hợp với yêu cầu phát triển và hiệu quả kinh doanh của Công ty;
4. Đặt chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty ở trong nước, ở nước ngoài theo quy định của pháp luật;
5. Kinh doanh những ngành nghề mà pháp luật không cấm;
6. Tìm kiếm thị trường, trực tiếp giao dịch và ký kết hợp đồng với các khách hàng trong và ngoài nước; được trực tiếp xuất nhập khẩu theo yêu cầu hoạt động kinh doanh của Công ty và phù hợp với quy định hiện hành của pháp luật.
7. Quyết định giá mua, giá bán vật tư, nguyên liệu, sản phẩm và dịch vụ chủ yếu, trừ những sản phẩm và dịch vụ do nhà nước định giá;
8. Được quyền bảo hộ về sở hữu công nghiệp, bao gồm: các sáng chế, giải pháp hữu ích, nhãn hiệu sản phẩm, kiểu dáng công nghiệp, tên gọi xuất xứ hàng hoá theo quy định của pháp luật Việt Nam;
9. Đầu tư liên doanh, liên kết góp cổ phần, mua một phần hoặc toàn bộ tài sản của doanh nghiệp khác theo quy định của pháp luật với mục đích phát triển sản xuất kinh doanh;
10. Tuyển chọn, thuê mướn, bố trí sử dụng, đào tạo lao động, lựa chọn các hình thức trả lương, thưởng, quyết định mức lương trên cơ sở công bằng và hiệu quả sản xuất kinh doanh và có các quyền khác của người sử dụng lao động theo quy định của bộ luật lao động và các quy định khác của pháp luật;
11. Mời và tiếp khách nước ngoài hoặc cử cán bộ, nhân viên của Công ty đi công tác nước ngoài phù hợp với chủ trương mở rộng hợp tác của Công ty và các quy định của Nhà nước.

#### **Điều 9: Quyền quản lý tài chính**

Công ty được thực hiện bao gồm nhưng không giới hạn các quyền sau:

1. Sử dụng vốn và các quỹ của Công ty để phục vụ các nhu cầu trong sản xuất kinh doanh theo nguyên tắc bảo toàn vốn và sinh lãi;
2. Nhượng bán hoặc cho thuê những tài sản không dùng đến hoặc chưa dùng hết công suất;
3. Phát hành, chuyển nhượng, bán các cổ phiếu, trái phiếu theo quy định của pháp luật; được thế chấp các tài sản, giá trị quyền sử dụng đất gắn liền với tài sản trên đất thuộc quyền

- quản lý của Công ty tại các Ngân hàng và các tổ chức tín dụng trong và ngoài nước để vay vốn kinh doanh theo quy định của pháp luật;
- Quyết định sử dụng và phân phối phần lợi nhuận còn lại cho các cổ đông sau khi đã làm đủ các nghĩa vụ đối với nhà nước, lập và sử dụng các quỹ theo quy định của Nhà nước và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
  - Được hưởng các chế độ ưu đãi về thuế và các chế độ ưu đãi khác khi chuyển doanh nghiệp nhà nước thành Công ty cổ phần theo quy định của Nhà nước.
  - Có quyền sử dụng ngoại tệ thu được theo chế độ quản lý ngoại hối hiện hành của Nhà nước.

## **Mục 2**

### **NGHĨA VỤ**

#### **Điều 10: Nghĩa vụ quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh**

Công ty được thực hiện bao gồm nhưng không giới hạn các nghĩa vụ sau:

- Đăng ký kinh doanh và kinh doanh những ngành nghề mà pháp luật không cấm; chịu trách nhiệm trước các cổ đông về kết quả kinh doanh; chịu trách nhiệm trước khách hàng và pháp luật về sản phẩm và dịch vụ do Công ty thực hiện;
- Xây dựng chiến lược phát triển, kế hoạch sản xuất kinh doanh phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Công ty và nhu cầu thị trường;
- Ký kết và thực hiện các hợp đồng kinh tế đã ký kết với các đối tác;
- Thực hiện các quy định của nhà nước về bảo vệ tài nguyên môi trường, an ninh quốc gia và công tác phòng cháy chữa cháy;
- Thực hiện chế độ báo cáo thống kê, kế toán; báo cáo định kỳ theo quy định của nhà nước và báo cáo bất thường theo yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông và chịu trách nhiệm về tính sát thực của báo cáo;
- Chịu sự kiểm tra của các cơ quan quản lý Nhà nước theo quy định của pháp luật. Tuân thủ các quy định về thanh tra của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

#### **Điều 11: Nghĩa vụ quản lý tài chính**

Công ty được thực hiện bao gồm nhưng không giới hạn các nghĩa vụ sau:

- Thực hiện đúng chế độ và các quy định về quản lý vốn, tài sản, các quỹ; hạch toán, kế toán - thống kê, chế độ kiểm toán và các chế độ khác do pháp luật quy định; chịu trách nhiệm về tính sát thực của các báo cáo tài chính của Công ty;
- Bảo toàn và phát triển vốn;
- Thực hiện các khoản phải thu và các khoản phải trả ghi trong bảng cân đối kế toán của Công ty tại thời điểm thành lập;
- Công bố công khai các thông tin và báo cáo tài chính hàng năm; đánh giá khách quan và đúng đắn về hoạt động của Công ty;
- Thực hiện nghĩa vụ nộp thuế và các khoản nộp ngân sách Nhà nước theo quy định của pháp luật;
- Chịu trách nhiệm vật chất đối với các khoản nợ trong phạm vi vốn điều lệ của Công ty.

## CHƯƠNG III VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG

### Mục 1 VỐN

#### **Điều 12: Vốn hoạt động.**

Vốn hoạt động của Công ty bao gồm:

- Vốn điều lệ;
- Vốn vay;
- Vốn huy động;
- Vốn tiếp nhận;
- Vốn tích lũy;
- Vốn khác.

#### **Điều 13: Vốn điều lệ**

1. Vốn điều lệ được góp bằng đồng Việt Nam.
  - a) Vốn điều lệ của Công ty vào ngày thông qua điều lệ này là: 86.000.000.000 VNĐ (Tám mươi sáu tỷ đồng chẵn).
  - b) Tổng số Vốn Điều lệ của Công ty được chia thành 8.600.000 triệu cổ phần (Tám triệu sáu trăm cổ phần) với mệnh giá là 10.000 VNĐ/ cổ phần.
2. Cơ cấu vốn phân theo sở hữu tại thời điểm thay đổi vốn điều lệ lần thứ tư:
  - a) Vốn thuộc sở hữu nhà nước: 28.800.000.000 VNĐ (Hai mươi tám tỷ tám trăm triệu đồng chẵn), chiếm 33,49% vốn điều lệ.
  - b) Vốn sở hữu của các cổ đông trong và ngoài doanh nghiệp: 57.200.000.000 VNĐ (Năm mươi bảy tỷ hai trăm triệu đồng chẵn) chiếm 66,51% vốn điều lệ.
3. Việc tăng vốn điều lệ của Công ty do Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật. Khi cần thiết Công ty có thể tăng vốn điều lệ bằng cách trích một phần hoặc toàn bộ lợi nhuận chưa phân phối, quỹ đầu tư phát triển để bổ sung vào vốn điều lệ hoặc phát hành cổ phiếu mới theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với quy định của pháp luật.
4. Trong trường hợp sản xuất kinh doanh của Công ty không bị thua lỗ, nhưng đạt hiệu quả kinh doanh thấp, Công ty buộc phải thu hẹp quy mô sản xuất kinh doanh, các cổ đông có thể được hoàn trả một phần vốn góp sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.
5. Vốn điều lệ chỉ được sử dụng cho hoạt động kinh doanh bao gồm:
  - a) Mua sắm tài sản cố định, máy móc trang thiết bị mở rộng qui mô hoạt động của Công ty;
  - b) Phát triển kỹ thuật nghiệp vụ;
  - c) Mua cổ phiếu, trái phiếu, góp vốn, liên doanh;

- d) Các dự trữ cần thiết về động sản, bất động sản;
  - e) Các hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi hoạt động của Công ty như quy định tại Điều 4.2.
6. Vốn điều lệ không được sử dụng để chia cho các cổ đông dưới bất kỳ hình thức nào (trừ trường hợp được Đại hội đồng cổ đông quyết định trên cơ sở không trái quy định của pháp luật).

**Điều 14: Vốn vay**

Công ty được vay vốn của các tổ chức tín dụng, các pháp nhân khác, cá nhân trong nước và ngoài nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, theo các quy định của luật pháp hiện hành.

**Điều 15: Vốn huy động**

Công ty được huy động vốn bằng hình thức phát hành trái phiếu công ty, trái phiếu chuyển đổi và những hình thức huy động vốn khác, theo các quy định của pháp luật hiện hành.

**Điều 16: Vốn tiếp nhận**

Công ty được tiếp nhận vốn đầu tư và phát triển của các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước theo đúng pháp luật hiện hành để bổ sung cho vốn hoạt động theo các quy định của pháp luật hiện hành.

**Điều 17: Vốn tích lũy**

Vốn tích lũy của Công ty được hình thành từ kết quả kinh doanh, được dùng để mở rộng và phát triển Công ty, hùn vốn liên doanh với các cá nhân, tổ chức kinh tế trong nước và ngoài nước, theo các quy định của pháp luật hiện hành.

**Mục 2  
CỔ PHẦN****Điều 18: Cổ phần**

1. Vốn điều lệ của Công ty được chia làm nhiều phần bằng nhau gọi là cổ phần; chứng chỉ do Công ty phát hành hoặc bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông sở hữu đối với một hoặc nhiều cổ phần được gọi là cổ phiếu.
2. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật
3. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quy định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không

được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông chấp thuận khác hoặc trong trường hợp cổ phần được bán qua Sở Giao dịch Chứng khoán theo phương thức đấu giá.

4. Công ty có thể mua cổ phần do chính công ty đã phát hành (kể cả cổ phần ưu đãi hoàn lại) theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần phổ thông do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này và Luật Chứng khoán cùng với các văn bản hướng dẫn liên quan.
5. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua bằng văn bản và phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

### **Điều 19: Chứng nhận cổ phiếu.**

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.
2. Chứng nhận cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Chứng nhận cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ (nếu là cổ phiếu ghi danh) và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Mỗi chứng nhận cổ phiếu ghi danh chỉ đại diện cho một loại cổ phần.
3. Trong thời hạn hai tháng (hoặc có thể lâu hơn theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần sẽ được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu hoặc bất kỳ một khoản phí gì.
4. Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần ghi danh trong một chứng nhận cổ phiếu ghi danh, chứng nhận cũ sẽ bị huỷ bỏ và chứng nhận mới ghi nhận số cổ phần còn lại sẽ được cấp miễn phí.
5. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu ghi danh bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu hủy, người sở hữu cổ phiếu ghi danh đó có thể yêu cầu được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.
6. Người sở hữu chứng nhận cổ phiếu vô danh phải tự chịu trách nhiệm về việc bảo quản chứng nhận và công ty sẽ không chịu trách nhiệm trong các trường hợp chứng nhận này bị mất cắp hoặc bị sử dụng với mục đích lừa đảo.
7. Công ty có thể phát hành cổ phần ghi danh không theo hình thức chứng nhận. Hội đồng quản trị có thể ban hành văn bản quy định cho phép các cổ phần ghi danh (theo hình thức chứng nhận hoặc không chứng nhận) được chuyển nhượng mà không bắt buộc phải có văn bản chuyển nhượng. Hội đồng quản trị có thể ban hành các quy định về chứng nhận và chuyển nhượng cổ phần theo các quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và Điều lệ này.

**Điều 20: Chuyển nhượng; thu hồi cổ phần**

1. Cổ phần của Công ty được chuyển nhượng, thừa kế theo các quy định của pháp luật và Điều lệ này.
2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán.
3. Việc chuyển nhượng cổ phiếu thuộc chủ sở hữu vốn Nhà nước phải được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị và cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
4. Tất cả các cổ phần đều có thể được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán của Sở Giao dịch Chứng khoán.
5. Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại Công ty cho người khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Trong trường hợp này, người được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ là cổ đông của công ty.
6. Trường hợp cổ đông chỉ chuyển nhượng một phần số cổ phần thì cổ phiếu cũ bị hủy bỏ và công ty phát hành thêm cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần đã chuyển nhượng và số cổ phần còn lại.
7. Thủ tục chuyển nhượng:
  - a) Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng hợp đồng theo mẫu thống nhất của Công ty hoặc thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán. Trường hợp chuyển nhượng bằng hợp đồng thì giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện uỷ quyền của họ ký. Bên chuyển nhượng vẫn là người sở hữu cổ phần có liên quan cho đến khi tên của người nhận chuyển nhượng được đăng ký vào sổ đăng ký cổ đông. Trường hợp chuyển nhượng thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán, trình tự và việc ghi nhận sở hữu thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.
  - b) Trường hợp cổ phần được chuyển nhượng trong thời gian từ ngày lập xong danh sách cổ đông đến ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thì người nhận chuyển nhượng có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông thay thế cho người chuyển nhượng đối với số cổ phần đã chuyển nhượng.
  - c) Trường hợp cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ Công ty.
8. Thu hồi cổ phần
  - a) Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty theo quy định.
  - b) Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
  - c) Trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện, trước khi thanh toán đầy đủ tất cả các khoản phải nộp, các khoản lãi và các chi phí liên quan, Hội đồng quản trị có quyền thu hồi số cổ phần đó. Hội đồng quản trị có thể chấp nhận

việc giao nộp các cổ phần bị thu hồi theo quy định tại các Điểm d), e) và f) và trong các trường hợp khác được quy định tại Điều lệ này.

- d) Cổ phần bị thu hồi sẽ trở thành tài sản của Công ty. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.
- e) Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi sẽ phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ (không quá 12% một năm) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.
- f) Thông báo thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cập trong việc gửi thông báo.

### **Điều 21: Thừa kế cổ phần**

1. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết hoặc bị Tòa án tuyên bố là đã chết, Công ty công nhận những người sau đây có quyền sở hữu một phần hoặc toàn bộ cổ phần của người đã chết:
  - a) Người thừa kế theo di chúc có hiệu lực pháp luật;
  - b) Người thừa kế theo pháp luật (trong trường hợp không có di chúc hoặc di chúc không có hiệu lực pháp luật).
  - c) Trường hợp có nhiều người cùng thừa kế hợp pháp thì họ phải cử đại diện trong số những người được thừa kế đứng tên chủ sở hữu thông qua thủ tục ủy quyền được công chứng. Công ty không giải quyết các trường hợp tranh chấp giữa những người thừa kế.
2. Người thừa kế; người đại diện đứng tên chủ sở hữu đối với cổ phần được thừa kế có quyền sở hữu hợp pháp đối với cổ phần được thừa kế, trở thành cổ đông mới và được hưởng mọi quyền lợi, nghĩa vụ của cổ đông theo quy định của pháp luật.

### **Điều 22: Phát hành thêm cổ phiếu**

1. Việc phát hành thêm cổ phiếu phải được Đại hội đồng cổ đông quyết định và cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp nhận.
2. Trình tự thủ tục phát hành thêm cổ phiếu phải được thực hiện theo các quy định của pháp luật.



### Mục 3 CỔ ĐÔNG

#### **Điều 23: Quy định chung về cổ đông**

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.
2. Tổ chức, cá nhân sở hữu cổ phần phổ thông gọi là cổ đông phổ thông.
3. Cổ đông được công nhận chính thức khi đã đóng đủ tiền mua cổ phần hoặc làm đầy đủ thủ tục chuyển nhượng theo quy định tại Điều 20 Điều lệ này và quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán của Nhà nước và các ban ngành liên quan.
4. Người đại diện theo pháp luật của cổ đông tại Công ty:
  - a) Người đại diện theo pháp luật của cổ đông pháp nhân tại Công ty là:
    - Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc đối với cổ đông là doanh nghiệp nhà nước không có Hội đồng quản trị, doanh nghiệp tư nhân. ;
    - Chủ tịch Hội đồng quản trị/ Chủ tịch Hội đồng thành viên đối với cổ đông là doanh nghiệp nhà nước có Hội đồng quản trị, Công ty trách nhiệm hữu hạn, Công ty cổ phần, Công ty hợp danh;
    - Người đại diện phần vốn cổ phần nhà nước tại Công ty do Tổng công ty Hàng hải Việt Nam – Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên đề cử và trúng cử Hội đồng quản trị nếu được Đại hội đồng cổ đông bầu;
    - Người được đại diện nêu trên có thể ủy quyền lại cho người khác thuộc pháp nhân, có đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi . Người đại diện này không được ủy quyền lại cho người khác.
  - b) Cổ đông là cá nhân có thể ủy quyền cho người khác có đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi làm đại diện cho mình tại Công ty.
  - c) Việc ủy quyền nêu trên phải được lập thành văn bản và tuân theo các quy định của pháp luật về ủy quyền. Cổ đông muốn thay đổi người đại diện phải thông báo cho Hội đồng quản trị Công ty bằng văn bản.
  - d) Các cổ đông có thể tự nhóm lại để cử một người đại diện. Trường hợp cử hoặc thay người đại diện cho một nhóm cổ đông phải được sự chấp thuận của các cổ đông này bằng văn bản.
5. Trường hợp một cổ đông là pháp nhân - được sáp nhập, hợp nhất từ cổ đông cũ hoặc thừa kế quyền và nghĩa vụ của pháp nhân cũ, thì phải gửi cho Hội đồng quản trị các văn bản có hiệu lực pháp lý chứng minh việc sáp nhập, hợp nhất hoặc thừa kế.
6. Trường hợp cổ đông là pháp nhân giải thể, phá sản, chấm dứt hoạt động trước thời hạn thì cổ phần của cổ đông này phải được chuyển nhượng cho pháp nhân hoặc cá nhân khác theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 24: Quyền lợi của cổ đông**

1. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:

- a) Tham gia các Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền hoặc theo hình thức khác do pháp luật, Điều lệ công ty quy định; mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
  - b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
  - c) Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;
  - d) Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;
  - e) Kiểm tra các thông tin liên quan đến cổ đông trong danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
  - f) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
  - g) Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông loại khác theo quy định của pháp luật;
  - h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 129.1 của Luật Doanh nghiệp;
  - i) Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ trên 7% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu tháng trở lên có các quyền sau:
- a) Đề cử các thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các Điều 33.6 và Điều 51.5;
  - b) Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1, Điều 29 Điều lệ này;
  - c) Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban kiểm soát.
  - d) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản: phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký doanh nghiệp đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
  - e) Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này.

### **Điều 25: Trách nhiệm và nghĩa vụ của cổ đông.**

Cổ đông có trách nhiệm và nghĩa vụ:

1. Thanh toán đủ số cổ phần cam kết mua trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty;

Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

2. Tuân thủ Điều lệ và quy chế quản lý nội bộ của Công ty, chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
3. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần;
4. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
  - a) Vi phạm pháp luật;
  - b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
  - c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.

## CHƯƠNG IV CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT

### Mục 1 ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

#### **Điều 26: Các kỳ họp của đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông có các kỳ họp sau:
  - Đại hội đồng cổ đông thành lập;
  - Đại hội đồng cổ đông thường niên;
  - Đại hội đồng cổ đông bất thường.
2. Đại hội đồng cổ đông phải có đủ số lượng cổ đông tham gia tối thiểu quy định tại các Điều 27, 28, 29 của Điều lệ.

#### **Điều 27: Đại hội đồng cổ đông thành lập**

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty do Ban chỉ đạo cổ phần hoá Công ty triệu tập và được tiến hành khi hội đủ nhóm cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty tham dự.
2. Đại hội đồng cổ đông thành lập có nhiệm vụ:
  - Thảo luận thông qua điều lệ;
  - Bầu Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
  - Thông qua phương án hoạt động sản xuất kinh doanh;
  - Quyết định bộ máy tổ chức của Công ty.

**Điều 28: Đại hội đồng cổ đông thường niên**

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên do Hội đồng quản trị triệu tập, mỗi năm họp một lần trong vòng 04 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
2. Cuộc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có tổng số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% (năm mươi một phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết.
3. Trường hợp không có đủ số lượng cổ đông cần thiết trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, đại hội phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được ủy quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% (ba mươi ba phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết.
4. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số cổ đông cần thiết trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai, đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện ủy quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có thể phê chuẩn.
5. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp.
6. Quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông thường niên:
  - a) Thông qua báo cáo của hội đồng quản trị và Ban kiểm soát về tình hình hoạt động và kết quả kinh doanh, báo cáo của kiểm soát viên;
  - b) Thông qua đề nghị của Hội đồng quản trị về quyết toán năm tài chính; phương án phân phối, sử dụng lợi nhuận: chia cổ tức và trích lập, sử dụng các quỹ;
  - c) Quyết định phương hướng, nhiệm vụ phát triển công ty và kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm, dài hạn của Công ty;
  - d) Quyết định tăng vốn điều lệ, góp vốn cổ phần và phát hành cổ phiếu;
  - e) Quyết định mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;
  - f) Quyết định số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;
  - g) Lựa chọn công ty kiểm toán;
  - h) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán;
  - i) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
  - j) Tổ chức lại; gia hạn và giải thể Công ty;
  - k) Quyết định giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
  - l) Công ty mua lại hơn 10% một loại cổ phần phát hành;
  - m) Việc Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành đồng thời làm Chủ tịch Hội đồng quản trị;

- n) Xem xét sai phạm và quyết định hình thức xử lý đối với thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty.
  - o) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát hoặc bầu bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng quản trị; thành viên Ban kiểm soát kiểm soát theo quy định của Điều lệ Công ty.
  - p) Ấn định mức thù lao và các quyền lợi của các thành viên Hội đồng quản trị và kiểm soát viên;
  - q) Thông qua, bổ sung, sửa đổi điều lệ;
  - r) Quyết định thành lập, chấm dứt hoạt động các văn phòng đại diện, chi nhánh của Công ty;
  - s) Quyết định việc Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 57 Điều lệ công ty với giá trị lớn hơn 30% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán.
  - t) Quyết định các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ và quy định của pháp luật.
7. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau:
- a) Thông qua các hợp đồng quy định tại khoản 6s Điều 28 Điều lệ này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng.
  - b) Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh hoặc chào mua công khai trên Sở Giao dịch chứng khoán.
8. Tất cả các Nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

### **Điều 29: Đại hội đồng cổ đông bất thường**

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp:
  - a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.
  - b) Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo quý hoặc nửa năm hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn điều lệ đã bị mất một nửa.
  - c) Khi số thành viên của Hội đồng quản trị còn lại ít hơn 2/3 (hai phần ba) số thành viên quy định tại Điều 33.2 Điều lệ này.
  - d) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 điều 24 Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng 01 văn bản kiến nghị nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp. Văn bản đề nghị phải có chữ ký của các cổ đông yêu cầu.
  - e) Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị, hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ quy định tại Điều 160 luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình.
  - f) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
2. Khi nhận được một trong các yêu cầu trên thì Hội đồng quản trị phải:

- a) Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại điểm c hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d, e khoản 1 Điều này.
  - b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định trên thì trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.
  - c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 2 điều này thì trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày tiếp theo, cổ đông là tổ chức, nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 24 có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.
  - d) Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền đề nghị cơ quan đăng ký doanh nghiệp giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.
  - e) Điều kiện để tiến hành Đại hội đồng cổ đông bất thường áp dụng như điều 28.2, 28.3, 28.4.
3. Quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông bất thường:
- a) Thông qua nghị quyết xử lý các vấn đề bất thường;
  - b) Bãi nhiệm, miễn nhiệm và bầu bổ sung, thay thế các thành viên Hội đồng quản trị, kiểm soát viên vi phạm điều lệ gây thiệt hại cho Công ty;
  - c) Xử lý các vấn đề khẩn cấp khác.

### **Điều 30: Thể thức triệu tập và tiến hành Đại hội đồng cổ đông**

1. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ thường trú của cổ đông, thời gian và địa điểm họp, những yêu cầu phải có đối với người dự họp.
2. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải bao gồm chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp: phiếu biểu quyết; mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp. Đối với các cổ đông đã thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi đến tổ chức lưu ký, đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở Giao dịch Chứng khoán, trên website của công ty, 01 tờ báo trung ương hoặc 01 tờ báo địa phương nơi công ty đóng trụ sở chính. Đối với các cổ đông chưa thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi cho cổ đông bằng cách chuyển tận tay hoặc gửi qua bưu điện bằng phương thức bảo đảm tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông, hoặc tới địa chỉ do cổ đông đó cung cấp để phục vụ việc gửi thông tin. Trường hợp cổ đông đã thông báo cho Công ty bằng văn bản về số fax hoặc địa chỉ thư điện tử, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi tới số fax hoặc địa chỉ thư điện tử đó. Trường hợp cổ đông là người làm việc trong Công ty, thông báo có thể đựng trong phong bì dán kín gửi tận tay họ tại nơi làm việc. Việc gửi tài liệu họp theo thông báo mời họp có thể được thay thế bằng đăng tải lên website của công ty. Trong trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu và công ty phải gửi tài liệu họp cho cổ đông nếu cổ đông yêu cầu.

3. Đại hội đồng cổ đông làm việc theo chương trình nghị sự đã công bố. Trong trường hợp triệu tập đại hội lần thứ hai, thứ ba, chương trình nghị sự đã công bố cho lần triệu tập thứ nhất được giữ nguyên. Chỉ Đại hội đồng cổ đông mới có quyền thay đổi chương trình nghị sự đã được gửi kèm theo thông báo mời họp.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất 03 (ba) ngày trước ngày khai mạc. Nội dung bản kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông hoặc thông tin tương đương, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.  
 Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông chỉ có quyền từ chối kiến nghị khi:
  - Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc có cơ sở chứng minh nội dung kiến nghị không hợp lệ;
  - Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
5. Trước ngày khai mạc cuộc họp, Ban tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tiến hành đăng ký dự họp cho đến khi đảm bảo các cổ đông có quyền dự họp được đăng ký đầy đủ, kiểm tra xác nhận tư cách của cổ đông, đại diện cổ đông tham dự, lập danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng. Người đăng ký dự họp sẽ được cấp thẻ biểu quyết tương ứng với số vấn đề cần biểu quyết trong chương trình họp.
6. Đại hội đồng cổ đông thường niên hoặc Đại hội đồng cổ đông bất thường do Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa. Nếu Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt có thể ủy nhiệm cho Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc một ủy viên Hội đồng quản trị làm chủ tọa. Việc ủy quyền phải được lập thành văn bản. Đại hội đồng cổ đông bất thường do Ban kiểm soát đề nghị thì Trưởng Ban kiểm soát làm chủ tọa.  
 Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển đề Đại hội bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao sẽ làm chủ tọa cuộc họp.
7. Chủ tọa cử Ban thư ký lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.
8. Đại hội đồng cổ đông bầu Ban kiểm phiếu không quá 03 (ba) người theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.
9. Biên bản Đại hội đồng cổ đông được ghi vào sổ biên bản, có chữ ký của chủ tọa và thư ký sau phiên họp. Các trích lục biên bản phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, hoặc hai Ủy viên Hội đồng quản trị.
10. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không được dừng cuộc họp để những người đến muộn đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của biểu quyết đã tiến hành không bị ảnh hưởng.
11. Hằng năm Công ty phải tổ chức Đại hội đồng cổ đông ít nhất 01 (một) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

### **Điều 31: Việc uỷ quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông**

1. Cổ đông được uỷ quyền cho người đại diện hợp pháp tham dự Đại hội đồng cổ đông Người được uỷ quyền được biểu quyết, đề cử, bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông theo tỷ lệ cổ phần sở hữu của cổ đông đã uỷ quyền nhưng không được ứng cử với tư cách cá nhân tại Đại hội đồng cổ đông căn cứ theo tỷ lệ cổ phần được uỷ quyền tham dự.

2. Người đại diện không nhất thiết là cổ đông của Công ty.
3. Việc ủy quyền phải thực hiện bằng văn bản theo quy định của pháp luật, người được ủy quyền phải trình cho Ban tổ chức đại hội trước khi khai mạc Đại hội.
4. Trường hợp bên ủy quyền là pháp nhân thì văn bản ủy quyền phải được thủ trưởng hoặc đại diện hợp pháp của pháp nhân đó ký, đóng dấu.
5. Việc ủy quyền chỉ được thực hiện từng lần. Người được ủy quyền không được ủy quyền cho người thứ ba.
6. Người ủy quyền có thể hủy bỏ, hoặc thay đổi nội dung ủy quyền bằng cách gửi văn bản cho Hội đồng quản trị thông báo về việc hủy bỏ, thay đổi đó.

**Điều 32: Thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**

1. Các quyết định thuộc thẩm quyền được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Việc biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông được thực hiện một cách công khai, trực tiếp.
2. Những quyết định sau đây của Đại hội đồng cổ đông phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:
  - a) Thông qua định hướng phát triển Công ty;
  - b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán;
  - c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
  - d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
  - e) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;
  - f) Tổ chức lại; gia hạn hoạt động; giải thể Công ty;
3. Trừ trường hợp quy định tại khoản 4 của điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông sẽ được thông qua khi có từ 51% (năm mươi một phần trăm) trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.
4. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ Công ty; Loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán; Sáp nhập, tái tổ chức và giải thể công ty; Giao dịch bán tài sản của công ty hoặc của chi nhánh hoặc giao dịch mua tài sản do Công ty hoặc chi nhánh thực hiện có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty tính theo sổ sách kế toán đã được kiểm toán gần nhất sẽ chỉ được thông qua khi có từ 65% (sáu mươi lăm phần trăm) trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.
5. Nghị quyết, quyết định được thông qua tại các kỳ họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập và tiến hành phù hợp với những quy định liên quan nói tại điều này sẽ có hiệu lực bắt buộc vô điều kiện đối với mọi cổ đông của Công ty, cho dù cổ đông đó vắng mặt hay bất đồng ý kiến.
6. Việc biểu quyết thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với tổng số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.



7. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo bằng văn bản đến cổ đông có quyền dự họp trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nghị quyết được thông qua và được công bố trên website của công ty, trên phương tiện công bố thông tin của Sở Giao dịch chứng khoán theo quy định của Ủy ban chứng khoán nhà nước.
8. Các quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông với số cổ đông trực tiếp và ủy quyền tham dự đại diện 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập, nội dung chương trình họp và thể thức tiến hành họp không thực hiện theo đúng quy định.
9. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông như quy định tại khoản 11 Điều này thì các nghị quyết, quyết định đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.
10. Trường hợp thông qua quyết định dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, thì quyết định của Đại hội đồng cổ đông chỉ được thông qua khi được số cổ đông đại diện ít nhất 51% (năm mươi một phần trăm) tổng số phiếu có quyền biểu quyết chấp thuận. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến công ty theo một trong các hình thức sau:
  - Gửi thư. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
  - Gửi fax hoặc thư điện tử. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

Trong trường hợp này, Hội đồng quản trị phải thực hiện các công việc sau đây:

- a) Chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quy định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình. Phiếu lấy ý kiến có nội dung chủ yếu theo quy định tại khoản 3, Điều 145 luật Doanh nghiệp.
  - b) Kiểm phiếu, lập biên bản kết quả kiểm phiếu trước sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của ít nhất 03 (ba) cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu theo quy định tại khoản 5, Điều 145 luật Doanh nghiệp.
  - c) Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến tất cả các cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên website của công ty.
  - d) Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
11. Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2, Điều 24 có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:
    - a) Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

- b) Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

## **Mục 2**

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

#### **Điều 33: Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị cao nhất giữa hai kỳ họp Đại hội đồng cổ đông của Công ty. Hội đồng quản trị có toàn quyền nhân danh Công ty quyết định và thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị gồm từ 05 (năm) đến 07 (bảy) người do Đại hội đồng cổ đông bầu theo phương thức bầu dồn phiếu. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành phải chiếm ít nhất 1/3 (một phần ba) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.
3. Hội đồng quản trị bầu và bãi miễn với quá bán số phiếu bằng thẻ thức trực tiếp bỏ phiếu kín hoặc biểu quyết 01 (một) Chủ tịch Hội đồng quản trị và một Phó chủ tịch hội đồng quản trị.
4. Cơ quan thường trực của Hội đồng quản trị gồm Chủ tịch, Phó Chủ tịch và một uỷ viên thường trực Hội đồng quản trị có nhiệm vụ giải quyết công việc hàng ngày.
5. Những người sau đây: vợ, chồng, người thân thuộc trực hệ 3 đời, anh chị em ruột của vợ hoặc chồng, đại diện cổ đông pháp nhân và các công ty con của cùng một Công ty, sẽ không cùng được đảm nhiệm hoặc uỷ quyền cho người khác đảm nhiệm các chức danh sau: Chủ tịch Hội đồng quản trị, Phó chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc), Kế toán trưởng Công ty.
6. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông dự họp có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 7% đến dưới 10% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên và nếu từ 65% trở lên được đề cử tối đa đủ số ứng viên.
7. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

#### **Điều 34: Tiêu chuẩn làm thành viên Hội đồng quản trị**

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau:
  - a) Thường trú tại Việt Nam;
  - b) Là người có trình độ từ Đại học hoặc tương đương trở lên, có năng lực, kinh nghiệm quản lý, kinh doanh trong lĩnh vực hoạt động của Công ty;
  - c) Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, có phẩm chất đạo đức tốt, có sức khoẻ, trung thực, liêm khiết, hiểu biết pháp luật;

- d) Những người là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty không được là thành viên Hội đồng quản trị của quá 03 (ba) tổ chức sản xuất kinh doanh khác. Thành viên Hội đồng quản trị có thể kiêm nhiệm các chức vụ điều hành trực tiếp sản xuất của Công ty.
2. Thành viên Hội đồng quản trị là những ứng viên, có số phiếu tín nhiệm tính theo số cổ phần có quyền biểu quyết hiện diện cao nhất trong số các ứng cử viên theo quy định tại Điều 32.6. Trường hợp chưa đủ số lượng thành viên Hội đồng quản trị thì sẽ bầu bổ sung cho đủ người đạt tín nhiệm như trên.

### **Điều 35: Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị**

1. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch và một Phó Chủ tịch.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm triệu tập và chủ tọa Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp. Phó Chủ tịch có các quyền và nghĩa vụ như Chủ tịch trong trường hợp được Chủ tịch ủy quyền nhưng chỉ trong trường hợp Chủ tịch đã thông báo cho Hội đồng quản trị rằng mình vắng mặt hoặc phải vắng mặt vì những lý do bất khả kháng hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình. Trong trường hợp nêu trên Chủ tịch không chỉ định Phó Chủ tịch hành động như vậy, các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị sẽ chỉ định Phó Chủ tịch. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch tạm thời không thể thực hiện nhiệm vụ của họ vì lý do nào đó, Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm một người khác trong số họ để thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch theo nguyên tắc đa số quá bán.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;
4. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười ngày.

### **Điều 36: Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị**

1. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 (năm) năm. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Trong nhiệm kỳ, Đại hội đồng cổ đông có thể bãi miễn và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.

### **Điều 37: Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị**

Hội đồng quản trị:

1. Chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông về việc :
  - a) Quản trị Công ty theo điều lệ, nghị quyết của đại hội đồng cổ đông và tuân thủ đúng luật pháp;
  - b) Trình Đại hội đồng cổ đông quyết định:
    - Thành lập hoặc giải thể các chi nhánh, văn phòng đại diện;
    - Kế hoạch phát triển dài hạn, huy động vốn của Công ty;
    - Tăng giảm vốn điều lệ và chuyển nhượng vốn cổ phần;

- Chương trình thực hiện các đề án cụ thể và quan hệ quốc tế;
  - c) Trình Đại hội đồng cổ đông các báo cáo của Hội đồng quản trị, kết quả kinh doanh, quyết toán tài chính hàng năm, phương án phân phối lợi nhuận, chia cổ tức;
  - d) Thực hiện việc trích lập các quỹ thuộc thẩm quyền, chia cổ tức và cách thức sử dụng quỹ theo quyết định của đại hội đồng cổ đông;
  - e) Bổ nhiệm, miễn nhiệm Giám đốc (Tổng giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng giám đốc), Kế toán trưởng của Công ty và duyệt phương án tổ chức bộ máy và nhân sự các đơn vị trực thuộc;
  - f) Chỉ đạo hỗ trợ và giám sát việc điều hành của Giám đốc (Tổng giám đốc) và các chức danh do Hội đồng quản trị trực tiếp quản lý;
  - g) Kiến nghị bổ sung hoặc sửa đổi điều lệ Công ty;
  - h) Quyết định triệu tập, chuẩn bị nội dung và tổ chức cuộc họp thường kỳ và bất thường của Đại hội đồng cổ đông;
  - i) Quyết định tiền lương, tiền thưởng cho Giám đốc (Tổng giám đốc), phó Giám đốc (Phó Tổng giám đốc), Kế toán trưởng và các chức danh thuộc quyền quản lý của Hội đồng quản trị;
  - j) Quyết định một số công việc kinh doanh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị theo đề nghị của Giám đốc (Tổng giám đốc);
  - k) Quyết định về quy chế tuyển dụng, cho thôi việc nhân viên của Công ty phù hợp với quy định của pháp luật. Quyết định khen thưởng, kỷ luật nhân viên thuộc quyền quản lý của Hội đồng quản trị và quyết định mức bồi thường vật chất khi nhân viên gây thiệt hại cho Công ty;
  - l) Quyết định phương án đầu tư;
  - m) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty hoặc tỷ lệ khác nhỏ hơn được đại hội đồng cổ đông thông qua;
  - n) Quyết định Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua.
2. Phê duyệt phương án trang bị cơ sở vật chất kỹ thuật do Giám đốc (Tổng giám đốc) Công ty trình;
  3. Có thể đình chỉ các quyết định của Giám đốc (Tổng giám đốc) nếu xét thấy trái pháp luật, vi phạm Điều lệ, nghị quyết và các quy định của Hội đồng quản trị;
  4. Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;
  5. Đề xuất việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;
  6. Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;
  7. Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty.

**Điều 38: Trách nhiệm tiếp quản của Hội đồng quản trị**

1. Sau khi Đại hội đồng cổ đông lần đầu được thành lập, những người được bầu vào các chức danh trong Hội đồng quản trị có trách nhiệm nhận bàn giao toàn bộ lao động, tài sản, các hồ sơ tài liệu của Công ty và các công việc còn lại của Ban đổi mới Quản lý tại doanh nghiệp. Hội đồng quản trị hoàn tất các thủ tục còn lại và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những việc đó.
2. Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị mới được bầu và tiếp quản công việc.

**Điều 39: Hoạt động của Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị họp thường kỳ 03 (ba) tháng một lần, trường hợp đặc biệt khoảng cách giữa hai kỳ họp cũng không được quá 04 (bốn) tháng.
2. Trường hợp cần thiết, Hội đồng quản trị có thể họp phiên bất thường theo yêu cầu của:
  - Chủ tịch Hội đồng quản trị;
  - Ít nhất 2/3 số thành viên Hội đồng quản trị;
  - Trường Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập;
  - Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác.
3. Mọi quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua bằng hình thức biểu quyết hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.
  - a) Đối với hình thức biểu quyết:
    - Cuộc họp Hội đồng quản trị họp lệ khi có ít nhất 05 thành viên tham dự.
    - Quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua khi có quá bán thành viên dự họp biểu quyết đồng ý. Trường hợp kết quả biểu quyết ngang nhau thì quyết định của Chủ tịch là quyết định cuối cùng.
  - b) Đối với hình thức lấy ý kiến bằng văn bản:

Quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua khi ít nhất có quá bán thành viên đồng ý.
4. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
  - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
  - b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận;
  - c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác;
  - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
5. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.

- Hàng năm, Hội đồng quản trị yêu cầu thành viên độc lập có báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị và báo cáo này có thể được công bố tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

#### **Điều 40: Việc mất tư cách của thành viên Hội đồng quản trị**

Thành viên Hội đồng quản trị bị mất tư cách trong các trường hợp sau:

- Chết, mất năng lực hành vi dân sự, mất quyền công dân, bị truy cứu trách nhiệm hình sự;
- Tự ý bỏ nhiệm vụ hoặc không tham gia 3 kỳ họp liên tiếp của Hội đồng quản trị;
- Mất tư cách người đại diện cho cổ đông là pháp nhân trong trường hợp pháp nhân chấm dứt hoạt động, phá sản;
- Công ty chấm dứt hoạt động, phá sản theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 41: Việc khuyết thành viên Hội đồng quản trị**

- Chủ tịch, Phó chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị muốn từ chức hoặc cổ đông là pháp nhân muốn thay đổi người đại diện của mình đang giữ chức Chủ tịch, Phó chủ tịch hoặc thành viên Hội đồng quản trị của Công ty thì phải có đơn bằng văn bản gửi đến Hội đồng quản trị Công ty. Trong thời gian 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày nhận đơn, Hội đồng quản trị sẽ họp để xem xét và quyết định.
- Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị đương nhiệm mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị thì Phó chủ tịch thay thế; Phó chủ tịch đương nhiệm mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị thì Hội đồng quản trị cử người thay thế và đảm nhiệm công việc cho đến khi tiến hành kỳ Đại hội gần nhất.
- Trường hợp khuyết nhiều hơn 1/3 (một phần ba) số thành viên Hội đồng quản trị hoặc không đủ số thành viên tối thiểu theo quy định của Luật Doanh nghiệp thì phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường để bầu bổ sung.
- Mọi trường hợp khác xảy ra việc khuyết thành viên Hội đồng quản trị sẽ do đại hội đồng cổ đông gần nhất quyết định.

#### **Điều 42: Việc phân công nhiệm vụ và quyền hạn giữa các thành viên trong Hội đồng quản trị**

- Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện cho quyền lợi của các cổ đông của Công ty trước pháp luật, có trách nhiệm và quyền hạn sau:
  - Triệu tập các phiên họp của Hội đồng quản trị;
  - Chuẩn bị nội dung, chương trình và điều khiển các buổi họp để thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
  - Lập chương trình công tác và phân công các thành viên thực hiện việc kiểm tra giám sát hoạt động của Công ty;
  - Được uỷ quyền và chịu trách nhiệm về sự uỷ quyền của mình.
- Phó chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm thực hiện những nhiệm vụ do Chủ tịch phân công, thay mặt Chủ tịch thực thi công việc được uỷ quyền quy định tại Điều 35 của Điều lệ này trong thời gian chủ tịch vắng mặt.

3. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp thực thi nhiệm vụ đã được Hội đồng quản trị phân công, không được uỷ quyền cho người khác và có nhiệm vụ, quyền hạn như sau:
  - a) Nghiên cứu, đánh giá tình hình, kết quả hoạt động và đóng góp vào việc xây dựng phương hướng phát triển, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong từng thời kỳ;
  - b) Được quyền yêu cầu các cán bộ chức danh trong Công ty cung cấp đầy đủ mọi tài liệu có liên quan đến hoạt động của Công ty để thực hiện nhiệm vụ của mình;
  - c) Tham dự phiên họp của Hội đồng quản trị, thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc nội dung phiên họp, chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông và trước Hội đồng quản trị về những hành vi của mình;
  - d) Thực hiện điều lệ của Công ty và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết của Hội đồng quản trị có liên quan đến từng thành viên theo sự phân công của Hội đồng quản trị.

### **Điều 43: Quyền lợi của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được uỷ quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thoả thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được.
2. Tổng số tiền trả thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị và số tiền thù lao cho từng thành viên phải được ghi chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty. Thù lao của thành viên HĐQT phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.
3. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch), hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
4. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.
5. Mọi chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị được tính vào chi phí quản lý của Công ty.

## **Mục 3**

### **GIÁM ĐỐC (TỔNG GIÁM ĐỐC) ĐIỀU HÀNH, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY**

### **Điều 44: Tổ chức bộ máy quản lý và cán bộ quản lý**

1. Tổ chức bộ máy quản lý:

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trực thuộc sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Công ty có một (01) Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành, các Phó giám đốc (Phó Tổng giám đốc) và một Kế toán trưởng và các chức danh khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thực hiện bằng nghị quyết Hội đồng quản trị được thông qua một cách hợp thức.

2. Cán bộ quản lý:

- a) Theo đề nghị của Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng cán bộ quản lý cần thiết, với số lượng và chất lượng phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý công ty do Hội đồng quản trị đề xuất tùy từng thời điểm. Cán bộ quản lý phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt các mục tiêu đề ra.
- b) Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những cán bộ quản lý khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành.

#### **Điều 45: Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành và tiêu chuẩn lựa chọn**

1. Giám đốc (Tổng giám đốc) là người đại diện pháp luật của Công ty trong mọi giao dịch. Giám đốc (Tổng giám đốc) là người quản lý điều hành mọi hoạt động kinh doanh của Công ty. Giám đốc (Tổng giám đốc) do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và miễn nhiệm, không nhất thiết là cổ đông và có thể là thành viên Hội đồng quản trị. Trường hợp Giám đốc (Tổng giám đốc) là thành viên Hội đồng quản trị thì được hưởng lương theo quy định của Hội đồng quản trị và được hưởng thù lao như các thành viên Hội đồng quản trị khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Giám đốc (Tổng giám đốc) phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.
2. Giám đốc (Tổng giám đốc) chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về trách nhiệm quản lý điều hành Công ty.
3. Giám đốc (Tổng giám đốc) Công ty phải là người:
  - a) Có quốc tịch Việt Nam;
  - b) Có trình độ quản lý kinh doanh thuộc các ngành kinh tế - kỹ thuật; có ít nhất 5 năm công tác trong ngành nghề kinh doanh như ngành nghề kinh doanh của Công ty, có kiến thức và kinh nghiệm quản lý công ty, hiểu biết pháp luật;
  - c) Không kiêm nhiệm bất cứ một chức vụ quản trị, điều hành nào tại các tổ chức kinh tế khác.

#### **Điều 46: Nhiệm vụ của Giám đốc (Tổng giám đốc)**

Giám đốc (Tổng giám đốc) Công ty có những nhiệm vụ sau:

1. Điều hành và chịu trách nhiệm về mọi hoạt động kinh doanh của Công ty theo Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, điều lệ Công ty và tuân thủ pháp luật;
2. Bảo toàn và phát triển vốn thực hiện theo phương án kinh doanh đã được Hội đồng quản trị phê duyệt thông qua Đại hội đồng cổ đông;



3. Xây dựng và trình Hội đồng quản trị quy chế quản lý nội bộ, kế hoạch dài hạn và kế hoạch hàng năm của Công ty;
4. Quyết định giá mua, giá bán nguyên vật liệu, sản phẩm và dịch vụ (trừ những sản phẩm dịch vụ do Nhà nước quy định);
5. Quyết định các biện pháp tuyên truyền, quảng cáo, tiếp thị, các biện pháp khuyến khích mở rộng quan hệ sản xuất;
6. Ký kết các hợp đồng kinh tế theo luật định;
7. Báo cáo trước Hội đồng quản trị tình hình hoạt động, kết quả kinh doanh của Công ty.
8. Đại diện Công ty trong việc khởi kiện các vụ án có liên quan đến quyền lợi của Công ty.

#### **Điều 47: Quyền hạn và trách nhiệm của Giám đốc (Tổng giám đốc)**

Giám đốc (Tổng giám đốc) Công ty có quyền:

1. Quyết định cao nhất về quản lý và điều hành của Công ty;
2. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
3. Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
4. Kiến nghị số lượng và các loại cán bộ quản lý mà công ty cần thuê để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết nhằm áp dụng các hoạt động cũng như các cơ cấu quản lý tốt do Hội đồng quản trị đề xuất, và tư vấn để Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý;
5. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;
6. Quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong những trường hợp khẩn cấp như thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, sự cố... và chịu trách nhiệm về các quyết định này, đồng thời báo cáo ngay cho Hội đồng quản trị;
7. Chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông và pháp luật về những hành vi gây thiệt hại cho Công ty;
8. Từ chối thực hiện những quyết định của Chủ tịch, Phó chủ tịch, các thành viên Hội đồng quản trị nếu thấy trái pháp luật, trái điều lệ và trái nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông, đồng thời phải có trách nhiệm thông báo ngay cho Ban kiểm soát;
9. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành và pháp luật;
10. Nhiệm kỳ của Giám đốc (Tổng giám đốc) không quá 05 (năm) năm; Giám đốc (Tổng giám đốc) có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
11. Việc ủy quyền của Giám đốc (Tổng giám đốc):

- a) Giám đốc (Tổng giám đốc) Công ty có thể ủy quyền cho các Phó giám đốc (Phó Tổng giám đốc) hoặc người khác thay mặt mình giải quyết một số công việc của Công ty và chịu trách nhiệm về việc ủy quyền của mình.
- b) Người được Giám đốc (Tổng giám đốc) ủy quyền phải chịu trách nhiệm trước Giám đốc (Tổng giám đốc) và trước pháp luật về những công việc được ủy quyền.
- c) Mọi sự ủy quyền có liên quan tới con dấu của Công ty đều phải thực hiện bằng văn bản.

#### **Điều 48: Việc từ nhiệm và đương nhiên mất tư cách của Giám đốc (Tổng giám đốc)**

1. Khi Giám đốc (Tổng giám đốc) muốn từ nhiệm phải có đơn gửi Hội đồng quản trị. Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận đơn, Hội đồng quản trị xem xét và quyết định.
2. Giám đốc (Tổng giám đốc) đương nhiên mất tư cách khi xảy ra một trong các trường hợp sau:
  - Chết, mất trí, mất quyền công dân;
  - Tự ý bỏ nhiệm sở từ 3 ngày trở lên;
3. Trường hợp Giám đốc (Tổng giám đốc) bị mất tư cách, Hội đồng quản trị phải tạm cử người để thay thế. Trong thời hạn tối đa 30 ngày, Hội đồng quản trị phải tiến hành các thủ tục đề bổ nhiệm Giám đốc (Tổng giám đốc) mới.

#### **Điều 49: Phó Giám đốc (Phó Tổng giám đốc)**

1. Giúp việc Giám đốc (Tổng giám đốc) là các Phó Giám đốc (Phó Tổng giám đốc), trong đó Phó Giám đốc (Phó Tổng giám đốc) thứ nhất do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và miễn nhiệm theo đề nghị của Giám đốc (Tổng giám đốc).
2. Phó Giám đốc (Phó Tổng giám đốc) chịu trách nhiệm trước Giám đốc (Tổng giám đốc), Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công.
3. Phó Giám đốc (Phó Tổng giám đốc) phải có trình độ quản lý kinh doanh thuộc các ngành kinh tế - kỹ thuật : có ít nhất 05 (năm) năm công tác trong ngành nghề kinh doanh phù hợp với lĩnh vực hoạt động của Công ty, có đủ kiến thức và kinh nghiệm quản lý Công ty, hiểu biết pháp luật.

#### **Điều 50: Thư ký công ty và người phụ trách quản trị công ty**

1. Thư ký Công ty : Khi xét thấy cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị tuyên dụng thư ký công ty để hỗ trợ Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện các nghĩa vụ thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Thư ký công ty có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
- Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
- Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;
- Hỗ trợ công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;

- Hỗ trợ Công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính.
2. Người phụ trách quản trị công ty:
- a) Hội đồng quản trị Công ty phải chỉ định ít nhất một người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả.
    - Nhiệm kỳ của làm Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là 05 năm.
    - Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty.
  - b) Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:
    - Có hiểu biết về pháp luật;
    - Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty;
    - Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, điều lệ này và quyết định của HĐQT.
  - c) Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.
  - d) Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:
    - Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
    - Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
    - Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
    - Tham dự các cuộc họp;
    - Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
    - Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;
    - Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty.
    - Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
    - Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

**Mục 4**
**BAN KIỂM SOÁT**
**Điều 51: Ban kiểm soát**

1. Ban kiểm soát là tổ chức thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh quản trị và điều hành của Công ty.
2. Ban kiểm soát gồm 3 kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông bầu và bãi miễn bằng thể thức trực tiếp và bỏ phiếu kín.
3. Các kiểm soát viên tự bầu 1 (một) người trong số kiểm soát viên làm Trưởng Ban kiểm soát. Trưởng ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và làm việc chuyên trách tại Công ty. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:
  - a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát
  - b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành và các cán bộ quản lý khác cung cấp các thông tin để báo cáo Ban kiểm soát.
  - c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.
4. Sau Đại hội đồng cổ đông thành lập, các kiểm soát viên thực hiện việc kiểm soát quá trình triển khai và hoàn tất thủ tục thành lập Công ty.
5. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông dự họp có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 7% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một ứng viên, từ 20% đến dưới 50% được đề cử tối đa 02 ứng viên, từ 50% trở lên được đề cử tối đa đủ số ứng viên.
6. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

**Điều 52: Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát**

1. Thành viên Ban kiểm soát phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau:
  - a) Các thành viên Ban kiểm soát phải có trình độ Đại học hoặc tương đương trở lên, có năng lực quản lý kinh doanh và có trình độ am hiểu kỹ thuật nghiệp vụ kinh doanh của Công ty. Thành viên Ban kiểm soát không được giữ các chức vụ quản lý Công ty.
  - b) Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, có phẩm chất đạo đức tốt, có sức khỏe, trung thực, liêm khiết, hiểu biết pháp luật.
  - c) Kiểm soát viên không được là thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Kế toán trưởng và người quản lý khác của Công ty, không là vợ, chồng, người thân thuộc trực hệ 03 (ba) đời của thành viên Hội đồng quản trị, giám đốc, Kế toán trưởng của Công ty.
2. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú tại Việt Nam và phải có ít nhất một thành viên là người có chuyên môn về tài chính kế toán. Thành viên này không

phải là nhân viên trong bộ phận kế toán hoặc không phải là nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán tại Công ty.

### **Điều 53: Nhiệm kỳ Ban Kiểm soát**

1. Nhiệm kỳ của kiểm soát viên không quá 05 năm. Thành viên Ban Kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Trong nhiệm kỳ, Kiểm soát viên vi phạm các quy định pháp luật, Điều lệ, quy chế của Công ty thì tại kỳ họp gần nhất Đại hội đồng cổ đông phải bầu thay thế theo thể thức bầu trực tiếp, bỏ phiếu kín.

### **Điều 54: Việc từ chức, từ nhiệm và mất tư cách của Kiểm soát viên**

1. Trường hợp Trưởng Ban kiểm soát muốn từ chức, Kiểm soát viên muốn từ nhiệm thì phải làm đơn gửi Ban kiểm soát. Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận được đơn xin từ chức hoặc từ nhiệm, Ban kiểm soát sẽ họp xem xét và quyết định.
2. Kiểm soát viên bị mất tư cách khi xảy ra một trong các trường hợp như đối với thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Điều 40 Điều lệ này.
3. Trường hợp khuyết chức danh Trưởng Ban kiểm soát thì số Kiểm soát viên còn lại cử một người thay thế cho đến khi bầu thêm Kiểm soát viên và bầu lại Trưởng Ban kiểm soát tại kỳ họp gần nhất của Đại hội đồng cổ đông.
4. Trường hợp khuyết Kiểm soát viên có nghiệp vụ về tài chính, trong vòng 30 ngày Hội đồng quản trị phải tạm thời cử người thay thế cho đến khi triệu tập Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung.

### **Điều 55: Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát**

1. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành trong việc quản lý và điều hành công ty, chịu trách nhiệm trước cổ đông của Công ty về các hoạt động giám sát của mình.
2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cân trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
3. Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính quý, sáu tháng và hàng năm của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát hàng năm tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.
4. Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết hoặc theo quy định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 24 của Điều lệ công ty.
5. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 24 của Điều lệ này, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu.

6. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
8. Trường hợp Ban kiểm soát phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành và các cán bộ quản lý khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả. Sau thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày ra thông báo nêu trên, nếu người có hành vi vi phạm không chấm dứt vi phạm và không có giải pháp khắc phục hậu quả, Ban kiểm soát sẽ có trách nhiệm báo cáo trực tiếp với Ủy ban chứng khoán Nhà nước về vấn đề này.
9. Ban kiểm soát có quyền lựa chọn và đề nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty.
10. Ban kiểm soát có quyền tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, phát biểu ý kiến và có những kiến nghị nhưng không tham gia biểu quyết. Nếu có ý kiến khác với quyết định của Hội đồng quản trị thì có quyền yêu cầu ghi ý kiến của mình vào biên bản họp và được trực tiếp báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông gần nhất.
11. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng, phải có chữ ký của các thành viên Ban kiểm soát dự họp và phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.
12. Mức thù lao của các thành viên Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Thành viên của Ban kiểm soát được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ thực thi các hoạt động của Ban kiểm soát. Chi phí này được hạch toán vào chi phí quản lý của công ty.

## CHƯƠNG V

### NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN CÓ QUYỀN LỢI LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG TY

#### **Điều 56: Công khai các lợi ích liên quan**

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành và người quản lý khác của công ty phải kê khai các lợi ích liên quan của họ với công ty bao gồm:
  - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó.
  - b) Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng cổ phần hoặc phần vốn góp trên 35% vốn điều lệ.
2. Việc kê khai quy định tại Khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan. Việc sửa đổi, bổ sung phải được khai báo với công ty trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung.
3. Việc kê khai quy định tại Khoản 1 Điều này phải được thông báo cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên và được niêm yết, lưu giữ tại trụ sở công ty. Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc) có quyền xem xét nội dung kê khai bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết.
4. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và chỉ được thực hiện khi đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về công ty.

#### **Điều 57: Các hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận**

1. Hợp đồng, giao dịch giữa công ty với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận:
  - a) Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông của công ty và những người có liên quan của họ.
  - b) Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc).
  - c) Doanh nghiệp quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản 1 Điều 56 của Điều lệ này và người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc).
2. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và các giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 30% (ba mươi phần trăm) tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Trong trường hợp này, người đại diện theo pháp luật phải gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị bản dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn mười

- lăm (15) ngày kể từ ngày gửi hợp đồng hoặc thông báo; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.
3. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị trên 30% (ba mươi phần trăm) tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch tại Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trong trường hợp này, cổ đông có liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại đồng ý.
  4. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được giao kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại Khoản 2 và 3 Điều này. Người đại diện theo pháp luật của công ty, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc (Tổng giám đốc) có liên quan phải bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

**Điều 58: Trách nhiệm cẩn trọng, trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành, các cán bộ quản lý khác**

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành và các cán bộ quản lý khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị một cách trung thực vì lợi ích cao nhất của công ty và với mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng phải có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành, cán bộ quản lý khác phải công khai các lợi ích liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành, cán bộ quản lý khác và những người liên quan tới các thành viên này không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho công ty vì mục đích cá nhân, không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác. Không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.
4. Công ty không cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp các khoản vay hoặc bảo lãnh nêu trên đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.
5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành và cán bộ quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan tới thành viên đó theo quy định của pháp luật. Công ty phải thực hiện công bố thông tin về nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc nghị quyết Hội đồng quản trị thông qua các giao dịch nêu trên trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ trên trang thông tin điện tử của công ty và báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
6. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với các giao dịch mà thành viên đó hoặc người có liên quan đến thành viên đó tham gia, bao gồm các giao dịch mà lợi ích



vật chất hay phi vật chất của thành viên Hội đồng quản trị đó chưa được xác định. Các giao dịch nêu trên phải được công bố trong Báo cáo thường niên của công ty.

7. Các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành, Kế toán trưởng, người được uỷ quyền công bố thông tin và những người có liên quan khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của công ty phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và thực hiện công bố thông tin về việc giao dịch này theo quy định của pháp luật.

### **Điều 59: Giao dịch với người có liên quan và đảm bảo quyền hợp pháp của những người có quyền lợi liên quan đến Công ty**

1. Giao dịch với người có liên quan
  - a) Khi tiến hành giao dịch với những người có liên quan, công ty phải ký kết hợp đồng bằng văn bản theo nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện. Nội dung hợp đồng phải rõ ràng, cụ thể. Các điều khoản ký kết, bổ sung sửa đổi, thời hạn hiệu lực, giá cả cũng như căn cứ xác định giá cả của hợp đồng phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật.
  - b) Công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa những người có liên quan can thiệp vào hoạt động của công ty và gây tổn hại cho lợi ích của công ty thông qua việc độc quyền các kênh mua và bán, lũng đoạn giá cả.
  - c) Công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa cổ đông và những người có liên quan tiến hành các giao dịch làm thất thoát vốn, tài sản hoặc các nguồn lực khác của công ty. Công ty không được cung cấp những đảm bảo về tài chính cho các cổ đông và những người có liên quan.
2. Đảm bảo quyền hợp pháp của những người có quyền lợi liên quan đến Công ty
  - a) Công ty phải tôn trọng quyền lợi hợp pháp của những người có quyền lợi liên quan đến công ty bao gồm ngân hàng, chủ nợ, người lao động, người tiêu dùng, nhà cung cấp, cộng đồng và những người khác có quyền lợi liên quan đến công ty.
  - b) Công ty cần hợp tác tích cực với những người có quyền lợi liên quan đến công ty thông qua việc:
    - Cung cấp đầy đủ thông tin cần thiết cho ngân hàng và chủ nợ để giúp họ đánh giá về tình hình hoạt động và tài chính của công ty và đưa ra quyết định;
    - Khuyến khích họ đưa ra ý kiến về tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính và các quyết định quan trọng liên quan tới lợi ích của họ thông qua liên hệ trực tiếp với Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát.
3. Công ty phải quan tâm tới các vấn đề về phúc lợi, bảo vệ môi trường, lợi ích chung của cộng đồng, và trách nhiệm xã hội của công ty.

## **CHƯƠNG VI BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN**

### **Điều 60: Nghĩa vụ công bố thông tin**

1. Công ty có nghĩa vụ công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính và tình hình quản trị công ty cho cổ đông và công chúng. Thông tin và cách thức công bố thông tin được thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. Ngoài ra, công ty phải công bố kịp thời và đầy đủ các thông tin khác nếu các thông tin đó có khả năng ảnh hưởng đến giá chứng khoán và ảnh hưởng đến quyết định của cổ đông và nhà đầu tư.
2. Việc công bố thông tin được thực hiện theo những phương thức nhằm đảm bảo cổ đông và công chúng đầu tư có thể tiếp cận một cách công bằng và đồng thời. Ngôn từ trong công bố thông tin cần rõ ràng, dễ hiểu và tránh gây hiểu lầm cho cổ đông và công chúng đầu tư.
3. Công ty phải công bố thông tin về tình hình quản trị công ty định kỳ 06 tháng và tại các kỳ đại hội đồng cổ đông thường niên và trong báo cáo thường niên của công ty theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

## **CHƯƠNG VII CÁC CHẾ ĐỘ VỀ LAO ĐỘNG VÀ QUYỀN LỢI CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG**

### **Điều 61: Chế độ và quyền lợi của người lao động**

1. Chế độ tuyển dụng:

Việc tuyển dụng lao động và trả lương thực hiện theo chế độ hợp đồng lao động giữa Giám đốc (Tổng giám đốc) hoặc người được Giám đốc (Tổng giám đốc) uỷ quyền và người lao động phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Chế độ và quyền lợi của người lao động làm việc tại Công ty:

- a) Người lao động đang làm việc cho Xí nghiệp Dịch vụ Vận tải hàng hoá và Hành khách khi chuyển sang Công ty sẽ được ký lại hợp đồng lao động;

Đối với lao động tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động thì giải quyết theo chế độ hiện hành.

- b) Khi chuyển sang Công ty cổ phần mọi chế độ như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và các chế độ khác được Công ty tiếp tục thực hiện;

- c) Sau 12 (mười hai) tháng kể từ khi Xí nghiệp Dịch vụ Vận tải hàng hoá và Hành khách chuyển thành Công ty cổ phần, nếu do nhu cầu tổ chức lại hoạt động kinh doanh, thay đổi công nghệ dẫn đến người lao động mất việc làm thì chính sách đối với người lao động này được giải quyết theo quy định pháp luật.

## CHƯƠNG VIII

### HẠCH TOÁN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN, TRÍCH LẬP QUỸ, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ KIỂM TOÁN

#### **Điều 62: Hạch toán**

1. Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào 31 tháng 12 hàng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày Công ty được chính thức thành lập và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm đó.
2. Công ty thực hiện việc hạch toán kế toán theo chế độ kế toán hiện hành.
3. Cuối mỗi năm tài chính, Hội đồng quản trị xem xét, thông qua quyết toán để trình Đại hội đồng cổ đông:
  - Bảng cân đối kế toán của Công ty;
  - Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh;
  - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
  - Thuyết minh báo cáo tài chính;
  - Báo cáo tổng hợp kiểm kê tài sản cuối niên độ.
4. Các báo cáo này phải được gửi đến Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát trước kỳ họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông ít nhất 15 (mười lăm) ngày.
5. Sau Đại hội, các văn bản, biên bản của Đại hội đồng cổ đông và tất cả các chứng từ có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở Công ty theo luật định.

#### **Điều 63: Lợi nhuận, phân phối lợi nhuận, trích lập quỹ, kiểm toán và báo cáo thường niên**

1. Lợi nhuận, phân phối lợi nhuận, trích lập quỹ
  - a) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và theo quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty nhưng không được vượt quá mức do Hội đồng quản trị đề xuất sau khi đã tham khảo ý kiến cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;
  - b) Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của công ty;
  - c) Công ty không trả lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu;
  - d) Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng những tài sản cụ thể (như cổ phiếu hoặc trái phiếu đã được thanh toán đầy đủ do công ty khác phát hành) và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi nghị quyết này;
  - e) Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty sẽ phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam và có thể thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi qua bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông thụ hưởng và trường hợp có rủi ro phát sinh (từ địa chỉ đã đăng ký của cổ đông) thì cổ đông đó phải chịu. Ngoài ra, các khoản tiền trả cổ tức hoặc các khoản tiền khác

được chi trả bằng tiền mặt liên quan tới một loại cổ phiếu có thể được chi trả bằng chuyển khoản ngân hàng khi Công ty đã có thông tin chi tiết về ngân hàng của cổ đông nhằm cho phép Công ty thực hiện được việc chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản ngân hàng của cổ đông. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm Lưu ký;

- f) Trường hợp có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức bằng các cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Các cổ phần bổ sung để trả cổ tức này được ghi là những cổ phần đã thanh toán đầy đủ tiền mua trên cơ sở giá trị của các cổ phần trả cổ tức phải tương đương với số tiền mặt trả cổ tức;
  - g) Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể thông qua nghị quyết quy định một ngày cụ thể làm ngày khoá sổ hoạt động kinh doanh của Công ty. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân chia lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác. Ngày khoá sổ này có thể vào cùng ngày hoặc vào thời điểm trước khi các quyền lợi đó được thực hiện. Điều này không ảnh hưởng tới quyền lợi của hai bên trong giao dịch chuyển nhượng cổ phiếu hoặc chứng khoán liên quan.
  - h) Các quỹ đầu tư phát triển; quỹ phúc lợi; quỹ khen thưởng và các quỹ khác mức trích do Đại hội đồng cổ đông quy định.
2. Kiểm toán
- a) Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị.
  - b) Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính hàng năm cho biết các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Các nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán cho Công ty phải được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận;
  - c) Một bản sao của báo cáo kiểm toán sẽ phải được gửi đính kèm với mỗi bản báo cáo kế toán hàng năm của Công ty;
  - d) Kiểm toán viên hoặc đại diện công ty kiểm toán phải được mời dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để phát biểu ý kiến tại Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề liên quan đến Báo cáo tài chính năm trong trường hợp Báo cáo kiểm toán có các khoản ngoại trừ trọng yếu.

## **CHƯƠNG IX CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ**

**Điều 64: Chấm dứt hoạt động**

1. Công ty có thể chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:
  - a) Khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty mà không gia hạn;
  - b) Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;
  - c) Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
  - d) Các trường hợp khác do pháp luật quy định.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.
3. Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và cổ đông  
 Các cổ đông nắm giữ một nửa số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết khi bầu Hội đồng quản trị có quyền đệ đơn khiếu nại tới Toà án để yêu cầu giải thể theo một hay một số căn cứ sau:
  - a) Các thành viên Hội đồng quản trị không thống nhất trong quản lý các công việc của Công ty dẫn đến tình trạng không đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để Hội đồng quản trị hoạt động;
  - b) Các cổ đông không thống nhất nên không thể đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để tiến hành bầu thành viên Hội đồng quản trị;
  - c) Có sự bất đồng trong nội bộ và hai hoặc nhiều phe cánh cổ đông bị chia rẽ khiến cho việc giải thể sẽ là phương án có lợi hơn cả cho toàn thể cổ đông.

**Điều 65: Thanh lý**

1. Tối thiểu sáu tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 (ba) thành viên. Hai thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Toà án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:
  - a) Các chi phí thanh lý;
  - b) Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên;
  - c) Thuế và các khoản nộp có tính chất thuế mà Công ty phải trả cho Nhà nước;
  - d) Các khoản vay (nếu có);
  - e) Các khoản nợ khác của Công ty;
 Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (e) trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi sẽ ưu tiên thanh toán trước.

## CHƯƠNG X ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG VÀ CÁC QUY ĐỊNH KHÁC

### **Điều 66: Giải quyết tranh chấp nội bộ**

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ và/hoặc pháp luật quy định, giữa:

- a) Cổ đông với Công ty; hoặc
- b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành hay cán bộ quản lý cao cấp.

Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 60 (sáu mươi) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Trường Ban Kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng 30 (ba mươi) ngày từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Toà án có thẩm quyền.
3. Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục hoà giải. Các chi phí liên quan đến việc giải quyết tranh chấp tại Toà án sẽ thực hiện theo quy định của pháp luật.

### **Điều 67: Điều khoản thi hành**

1. Công ty được chính thức hoạt động khi Đại hội đồng cổ đông thực hiện đủ các thủ tục sau:
  - a) Xác nhận danh sách cổ đông đã đăng ký mua hết cổ phần phát hành và cam kết đóng đủ số tiền theo quy định của Nhà nước hoặc có Công ty tài chính bảo lãnh bán hết số cổ phần còn lại;
  - b) Đã bầu Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và cử Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành;
  - c) Đại hội đồng cổ đông đã thảo luận và chấp thuận toàn bộ các điều khoản trong Điều lệ;
  - d) Đã giao quyền quản trị Công ty cho Hội đồng quản trị;
  - e) Hoàn tất các thủ tục với cơ quan Nhà nước theo pháp luật hiện hành.
2. Những nội dung không ghi trong Điều lệ này sẽ được thực hiện theo Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật hiện hành.
3. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.
4. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới



của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

**Điều 68: Con dấu**

1. Công ty có quyền quyết định về hình thức, số lượng và nội dung con dấu của doanh nghiệp. Nội dung con dấu phải thể hiện những thông tin sau đây:
  - a. Tên doanh nghiệp;
  - b. Mã số doanh nghiệp.
2. Trước khi sử dụng, Công ty có nghĩa vụ thông báo mẫu con dấu với cơ quan đăng ký kinh doanh để đăng tải công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.
3. Hội đồng quản trị sẽ quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty.
4. Hội đồng quản trị giao Giám đốc (Tổng giám đốc) sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của luật pháp hiện hành.

**Điều 69: Đăng ký điều lệ**

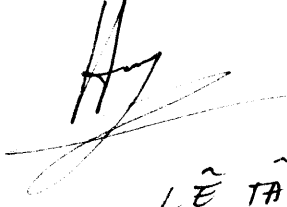
1. Bản Điều lệ này gồm 10 chương và 70 điều, được Đại hội đồng cổ đông của Công ty nhất trí thông qua ngày 26 tháng 04 năm 2018 tại Hải Phòng và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này kể từ thời điểm Điều lệ được thông qua. Điều lệ này có hiệu lực thi hành từ ngày 26 tháng 04 năm 2018.
2. Điều lệ này được lập thành 10 bản có giá trị như nhau, trong đó:
  - a) Một (01) bản lưu tại Phòng công chứng thành phố Hải Phòng;
  - b) Năm (05) bản đăng ký tại các cơ quan chính quyền theo quy định của UBND thành phố Hải Phòng.
  - c) Bốn (04) bản lưu trong hồ sơ tại trụ sở Công ty.
3. Các bản trích hay bản sao phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được đóng dấu của Công ty mới có giá trị pháp lý;


**Điều 70: Chữ ký của người đại diện theo pháp luật và của Hội đồng quản trị**


Người đại diện theo pháp luật của Công ty  
GIÁM ĐỐC


  
*Lê Tất Hưng*  
GIÁM ĐỐC

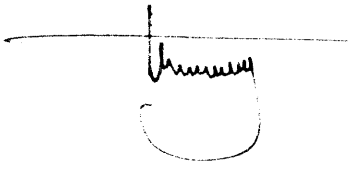
Chữ ký của các thành viên Hội đồng quản trị Công ty

  
LÊ TẤN DŨNG  
(Chủ tịch Hội đồng Quản trị)

  
VƯƠNG NGỌC SƠN  
(Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị)

  
PHẠM THỊ ANH THƯ  
(Ủy viên Hội đồng Quản trị)

  
PHẠM DUY VĂN  
(Ủy viên Hội đồng Quản trị)

  
NGUYỄN BẢO TRUNG  
(Ủy viên Hội đồng Quản trị)